

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2018/DS-PT
Ngày: 07/5/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Đình Thi
Bà Nguyễn Thị Nhiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2018/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2018, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 83/2017/DS-ST ngày 23/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 58/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Địa chỉ: quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông B, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B: Ông C, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần A - Chi nhánh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Ông D, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Minh Lương - Ngân hàng Thương mại cổ phần A - Chi nhánh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Ông E, sinh năm 1988, chức vụ: Nhân viên Quản lý Tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần A, Phòng giao dịch Minh Lương (Có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Danh T, sinh năm 1934 (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Danh T: Bà Thị Ph, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện G, Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Danh T: Bà Dương Thị L - Luật sư Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang (theo Quyết định số 69 ngày 06/4/2018) (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. NLQ1 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện G, Kiên Giang.

2. NLQ2, sinh năm 1966 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. NLQ3, sinh năm 1969 (Có mặt).

4. NLQ4, sinh năm 1971 (Có mặt).

5. NLQ5, sinh năm 1973 (Có mặt).

6. NLQ6, sinh năm 1978 (Có mặt).

7. NLQ7, sinh năm 1985 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện G, Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ7: Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1958 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện G, Kiên Giang.

8. NLQ8, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện G, Kiên Giang.

9. NLQ9, sinh năm 1980 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo*: Ông Danh T - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A và người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là ông D trình bày: Ngày 21/9/2011 Ngân hàng Thương mại cổ phần A - Phòng giao dịch Minh Lương đã ký hợp đồng tín dụng số R015/12 với ông Danh T vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn vay là 60 tháng từ ngày 21/9/2011 đến ngày 21/9/2016, hình thức bảo đảm nợ vay: Thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích thế chấp 39.610 m², loại đất lúa, số phát hành C 243226, P 872530, mục đích vay: làm sân phơi lúa sản xuất nông nghiệp. Trong quá trình vay ông Danh T đóng lãi đến ngày 18/3/2014 thì không đóng nữa. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông Danh T trả nợ, ông T có hứa nhưng không thực hiện.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Danh T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 23/10/2017 là 196.765.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 496.765.000 đồng và yêu cầu tính lãi

phát sinh kể từ ngày xét xử cho đến khi ông Danh T trả dứt nợ vay cho Ngân hàng. Trường hợp ông T không trả được số tiền trên cho Ngân hàng thì yêu cầu phát mãi tài sản ông T đã thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ.

** Bị đơn ông Danh T và người đại diện theo ủy quyền của ông T là bà Bùi Thị Th trình bày:* Ông Danh T thừa nhận có làm hợp đồng vay tiền tại Ngân hàng Thương mại cổ phần A với số tiền 300.000.000 đồng và có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như Ngân hàng trình bày. Nhưng trong quá trình vay vốn Ngân hàng không đưa người thừa kế là các con của T để ký tên trong hợp đồng vay với ngân hàng. Người nhận nợ trong hợp đồng vay là NLQ1 (hiện NLQ1 đã bỏ địa phương) và NLQ1 cũng là người đi đóng lãi cho ông T nhiều lần. Nay NLQ1 bỏ địa phương đi Ngân hàng kiện ông T là không đúng. Ông T không đồng ý trả bất kỳ khoản vay nào cho Ngân hàng. Ông T yêu cầu Ngân hàng phải giao trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T và yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp giữa ông T và Ngân hàng là vô hiệu.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- *NLQ5 trình bày:* Cha bà là ông Danh T, mẹ bà tên Thị Q (chết), cha mẹ bà có tất cả 08 người con gồm: NLQ2, NLQ3, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ4; NLQ8, Thị H (chết). Cha bà vay tiền năm nào thì bà không biết, khi Tòa án mời làm việc mới biết. Trong số tài sản cha bà thế chấp tại Ngân hàng thì bà được cha chia cho 05 công đất tầm 3 mét vào năm 2005, thuộc thửa số 15, tờ bản đồ 221, có diện tích chung 23.220m² đất tọa lạc tại xã Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Việc cha bà làm hợp đồng vay tiền của ngân hàng Đông Á bà hoàn toàn không biết. Cho đến nay cha bà không trả được số nợ trên, Ngân hàng khởi kiện nếu không thanh toán được thì phát mãi tài sản là đất đã thế chấp, bà không đồng ý. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì thêm.

- *NLQ3 trình bày:* Cha bà vay tiền năm nào thì bà không biết, khi Tòa án mời làm việc mới biết. Bà được cha cho 03 công đất tầm 03 mét cách đây 20 năm nhưng không nằm trong số đất cha thế chấp vay Ngân hàng, Ngân hàng kiện cha bà, bà không có ý kiến. Tòa án cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- *NLQ2 trình bày:* Cha ông vay tiền năm nào thì ông không biết, khi Tòa án mời mới biết. Ông được cha cho 04 công đất tầm 03 mét cách đây 20 năm, ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không nằm trong số đất cha ông thế chấp vay Ngân hàng, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền vay ông không có ý kiến. Tòa án cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- *NLQ6 trình bày:* Bà không biết việc cha bà vay tiền tại Ngân hàng Đông Á. Sau này, khi NLQ1 bỏ địa phương đi thì cha bà mới nói là có vay tiền cho NLQ1 mượn nhưng chỉ vay ít. Đến khi Ngân hàng vào nhà đòi nợ anh em bà mới biết số nợ là 300.000.000 đồng. Trong phần đất cha bà thế chấp vay Ngân hàng thuộc thửa 15, tờ bản đồ số 221, diện tích 23.220.00m², tọa lạc tại ấp Thạnh Đông A, xã Thạnh Trị, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang thì bà được cha chia cho 5 công tầm 3 mét, cho bà vào năm 2011, bà canh tác ổn định từ đó cho đến nay. Nay Ngân hàng khởi kiện cha bà, bà không có ý kiến nếu như Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài

sản có liên quan đến phần bà canh tác thì bà không đồng ý, bà không yêu cầu gì thêm.

- *NLQ4 trình bày:* Bà không biết việc cha bà vay tiền tại Ngân hàng Đông Á. Sau này, khi NLQ1 bỏ địa phương đi thì cha bà mới nói là có vay tiền cho NLQ1 mượn nhưng chỉ vay ít. Đến khi Ngân hàng vào nhà đòi nợ anh em bà mới biết số nợ 300.000.000 đồng. Trong phần đất cha bà thế chấp vay Ngân hàng tại thửa 220a, tờ bản đồ số 15, diện tích 16.391 m², tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang thì bà mua cùng với cha là 6 công tầm 3 mét của bà Thị S năm 1992 nhưng nghĩ cha con nên bà để cho cha đứng tên luôn, 6 công tầm 03 mét còn lại thì cha bà cho em ruột bà là NLQ8. Nay Ngân hàng khởi kiện cha bà, bà có ý kiến nếu Ngân hàng phát mãi tài sản có liên quan đến phần đất của bà thì bà không đồng ý, bà không yêu cầu gì thêm.

- *NLQ8 trình bày:* Bà không biết việc cha bà vay tiền tại Ngân hàng Đông Á. Sau này, khi NLQ1 bỏ địa phương đi thì cha bà mới nói là có vay tiền cho NLQ1 mượn nhưng chỉ vay ít. Đến khi Ngân hàng vào nhà đòi nợ anh em mới biết số nợ 300.000.000 đồng. Trong phần đất cha bà thế chấp tại Ngân hàng thửa 220a, tờ bản đồ số 15, diện tích 16.391 m², tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang thì bà được cha cho 6 công tầm 3 mét vào năm 2011, bà canh tác ổn định cho đến nay chưa tách giấy quyền sử dụng. Còn lại 6 công tầm 03 mét trong thửa đất trên là của người chị tên NLQ4 mua cùng thời điểm nhưng nghĩ cha con nên để cho cha đứng tên chứ đất này do bà và NLQ4 làm. Nay Ngân hàng khởi kiện cha bà, bà có ý kiến nếu Ngân hàng phát mãi tài sản có liên quan đến phần của bà đang canh tác thì bà không đồng ý, bà không yêu cầu gì thêm.

- *NLQ7 trình bày:* Ông là con trai út cho nên sống chung nhà với ông Danh T, việc cha ông vay tiền cho NLQ1 thì ông không biết nên không đồng ý trả số tiền trên. Hiện cha ông vay tiền có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có liên quan đến phần đất đã chia cho các anh, chị của ông và trong đó có phần của ông, ông không đồng ý để ngân hàng phát mãi số đất nêu trên, ông không yêu cầu gì thêm.

- *NLQ9 trình bày:* Chị được ông Danh T nhận làm cháu nuôi vào năm 2005, chị được ông T cho 03 công đất tầm 03 mét nằm trong tổng diện tích 23.220.00m², thửa số 15, tờ bản đồ số 221, đất tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Từ khi ông T cho đất đến nay chị không làm mà cố cho cô là Thị Bông Xa Ra 02 công, còn lại 01 công chị cố lại cho cô NLQ6 đến nay chưa tới hạn chuộc, đất chưa tách giấy. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu phát mãi thì chị không đồng ý, chị không yêu cầu gì thêm.

* *Tại bản án sơ thẩm số 83/2017/DS-ST ngày 23/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

- Chấp nhận một phần đơn yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A đối với ông Danh T.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Danh T đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần A về việc tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa ông Danh T với Ngân hàng Thương mại cổ phần A bị vô hiệu một phần.

- Xử buộc ông Danh T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền gốc và lãi là 496.765.000 đồng (bốn trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Danh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thảo luận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Danh T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành mà ông Danh T không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì phía Ngân hàng Thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án Giồng Riềng kê biên phát mãi tài sản thế chấp theo quy định Điều 342 của Bộ luật dân sự để đảm bảo nợ vay theo hợp đồng thế chấp là phần sản đứng tên ông Danh T, quyền sử dụng số C243226, diện tích 23.220 m², tờ bản đồ 15, số thửa 221, loại đất 1 lúa, tọa lạc tại xã Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Nếu ông Danh T thanh toán dứt nợ thì phía Ngân hàng Thương mại cổ phần A chịu trách nhiệm giao trả lại cho ông T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 872530 diện tích 16.390 m², tờ bản đồ 15, số thửa 220a, loại đất 2 lúa, tọa lạc tại ấp Tàu Hoi, xã Thạnh Trị, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang do ông hộ ông (bà) Danh Tô đứng tên và quyền sử dụng đất số C243226, diện tích 23.220 m², tờ bản đồ 15, số thửa 221, loại đất 1 lúa, tọa lạc tại xã Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang do ông Danh T đứng tên.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

** Ngày 06/11/2017 ông T có đơn kháng cáo: Yêu cầu tuyên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa ông Danh T với Ngân hàng là vô hiệu và ông T không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp. Vì ông thừa nhận có làm hợp đồng vay và nhận tiền theo đơn khởi kiện của Ngân hàng, có thế chấp tài sản, nhưng số tiền đó là do ông vay dùm NLQ1, hiện nay NLQ1 đã bỏ trốn địa phương, ông yêu cầu Ngân hàng khởi kiện NLQ1 để thanh toán số tiền trên.*

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, qua hòa giải của Hội đồng xét xử, phía đại diện của nguyên đơn tự nguyện thông nhất cho ông T trả số tiền gốc 300.000.000 đồng cho ngân hàng, trong thời hạn 04 tháng và trả số tiền lãi cho ngân hàng trong thời hạn 2 năm, kể từ ngày xét xử phúc thẩm hôm nay ngày 07/5/2018.

Phía bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Phía Luật sư L tranh luận cho rằng: Qua xét hỏi các bên đương sự và hòa giải, phía ông T và đại diện Ngân hàng

Thương mại cổ phần A tự nguyện thống nhất nội dung ông T trả nợ gốc cho ngân hàng trong thời hạn 04 tháng và trả lãi cho ngân hàng trong thời hạn 02 năm kể từ ngày xét xử phúc thẩm hôm nay ngày 07/5/2018, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Ngoài ra, ông T thuộc diện người cao tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn giảm tiền án phí cho ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa bản sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Danh T với đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần A và sửa án phí theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Phía người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có đơn kháng cáo ủy quyền người khác tham gia tố tụng và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông T. Hội đồng xét xử xét các bên đều thừa nhận ngày 21/9/2011 ông Danh T có ký hợp đồng tín dụng số R0157/12 vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 2%/tháng, lãi suất quá hạn 3%/tháng, thời hạn vay là 60 tháng của Ngân hàng Thương mại cổ phần A - Phòng giao dịch Minh Lương, với mục đích vay là làm sân phơi lúa sản xuất nông nghiệp. Ngân hàng cho rằng trong quá trình vay ông Danh T đóng lãi đến ngày 18/3/2014 thì không đóng nữa, vì vậy Ngân hàng yêu cầu ông Danh T trả số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 23/10/2017 là 196.765.000 đồng, tổng cộng số tiền gốc và lãi là 496.765.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông Danh T trả dứt nợ vay cho Ngân hàng. Ông Danh T cho rằng ông chỉ là người vay dùm NLQ1 nên ông yêu cầu Ngân hàng khởi kiện NLQ1. Xét thấy hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng và ông T là phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 471, Điều 473, khoản 1 Điều 474, khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc ông Danh T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng 496.765.000 đồng là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Xét về hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0227/HĐTC ngày 21/9/2011 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần A - Phòng giao dịch Minh Lương, các bên đều thống nhất ông T có thể chấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 872530, tờ bản đồ số 15, thửa số

220a, diện tích 16.390,00m², loại đất 2 vụ lúa do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 14/11/2000 cấp cho hộ ông (bà) Danh T; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 243226, tờ bản đồ số 15, thửa số 221, diện tích 23.220,00m², loại đất 1 lúa, được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 10/9/1993 do ông Danh T đứng tên. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông T là tuyên bố vô hiệu một phần đối với tài sản thế chấp tại Ngân hàng do cấp cho hộ ông (bà) Danh Tô là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Đối với phần tài sản thế chấp tại Ngân hàng do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 10/9/1993 do ông Danh T đứng tên, thì trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Danh T đều thừa nhận ông là người trực tiếp ký hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp tài sản ngày 21/9/2011 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần A - Phòng giao dịch Minh Lương, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang chứng thực ngày 26/9/2011 theo quy định pháp luật. Ông T còn ký giấy nhận nợ (BL 11) và tất cả giấy tờ trong hợp đồng vay. Mặt khác, ông T thừa nhận NLQ1 là người rút tiền vay Ngân hàng, sau khi về nhà NLQ1 cho lại ông T 50.000.000 đồng như NLQ1 đã hứa (BL 103). Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, qua động viên, hòa giải của Trợ giúp viên pháp lý và Hội đồng xét xử thì phía ông T và đại diện ngân hàng tự nguyện thống nhất nội dung ông T trả nợ gốc 300.000.000 đồng cho ngân hàng trong thời hạn 04 tháng và trả tiền lãi cho ngân hàng trong thời hạn 02 năm, thời hạn bắt đầu tính trả tiền gốc và lãi kể từ ngày xét xử phúc thẩm 07/5/2018. Khi ông T trả cho ngân hàng số tiền gốc theo thỏa thuận trên thì ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 872530 diện tích 16.390,00m², tờ bản đồ 15, số thửa 220a, loại đất 2 vụ lúa, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang do ông hộ ông (bà) Danh T đứng tên. Trường hợp ông T trả hết số tiền lãi cho ngân hàng thì ngân hàng trả cho ông T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C243226, diện tích 23.220,00m², tờ bản đồ 15, số thửa 221, loại đất 1 lúa, tọa lạc tại xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang do ông Danh T đứng tên. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Trường hợp sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu ông T không tự nguyện trả nợ, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ vay theo hợp đồng thế chấp là phần tài sản đứng tên ông Danh T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C243226, diện tích 23.220m², tờ bản đồ 15, số thửa 221, loại đất 1 lúa, tọa lạc tại xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Mặt khác, ông T cho rằng ông vay số tiền trên của Ngân hàng để cho NLQ1 vay lại thì nếu ông T có đầy đủ các tài liệu chứng cứ chứng minh việc NLQ1 vay số tiền trên của ông và vi phạm nghĩa vụ trả số tiền trên đối với ông thì ông T có quyền khởi kiện NLQ1 thành một vụ kiện khác.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm có ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố của ông T; Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí án phí phúc thẩm đối với ông Danh T nhưng Tòa án không hướng dẫn ông T làm đơn xin miễn giảm án phí theo quy định pháp luật ông T thuộc trường hợp người cao tuổi và ban hành Thông báo miễn giảm án phí cho ông T theo quy định pháp luật là có

phần thiếu sót. Ngoài ra, trong phần quyết định của bản án tuyên ông T phải chịu án phí giá ngạch là 23.870.600 đồng, không tuyên hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là không đúng với quy định của pháp luật. Bởi lẽ theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là: *“Đối với những vụ việc đã được Tòa án thụ lý để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm hoặc theo thủ tục phúc thẩm trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 nhưng sau ngày 01 tháng 01 năm 2017 Tòa án mới giải quyết theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm thì các quyết định về án phí, lệ phí Tòa án được thực hiện theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; trường hợp theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 mà đương sự, người bị kết án phải chịu án phí, lệ phí Tòa án nhưng theo quy định của Nghị quyết này thì đương sự, người bị kết án không phải chịu hoặc được miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án thì áp dụng quy định của Nghị quyết này”*. Cụ thể theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án như sau:

1. Những trường hợp sau đây được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí:

a)

*đ) Trẻ em; cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo; **người cao tuổi**;*

Do phía ông Danh T sinh năm 1934, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm đã 83 tuổi, đối chiếu với Luật người cao tuổi ngày 23/11/2009 thì ông T thuộc diện người cao tuổi, nên được miễn tiền án phí dân sự, theo nguyên tắc có lợi cho đương sự. Do đó, Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông T.

Trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên đương sự. Ngoài ra, xét việc ông Danh T vay tiền để cho cháu là NLQ1 sử dụng, bản thân ông là người dân tộc, lớn tuổi, đông con, do đó, đề nghị Ngân hàng Thương mại cổ phần A xem xét trường hợp của ông T thuộc diện nợ xấu để miễn, giảm lãi xuất cho ông.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm, phía ông Danh T là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Danh T.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 83/2017/DS-ST ngày 23/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang, tỉnh Kiên Giang.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 09, Điều 471, Điều 473, Điều 474, khoản 1 Điều 474, khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005. Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần đơn yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A đối với ông Danh T.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Danh T đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần A về việc tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa ông Danh T với Ngân hàng Thương mại cổ phần A bị vô hiệu một phần.

3. Xử buộc ông Danh T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền gốc và lãi là 496.765.000 đồng (Bốn trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Trong đó, nợ vay gốc là 300.000.000 đồng và nợ lãi 196.765.000 đồng.

4. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần A với ông Danh T về việc ông T trả nợ gốc 300.000.000 đồng cho ngân hàng trong thời hạn 04 tháng và trả tiền lãi cho ngân hàng trong thời hạn 02 năm, thời hạn bắt đầu tính trả tiền gốc và lãi kể từ ngày xét xử phúc thẩm 07/5/2018.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Danh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Danh T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành mà ông Danh T không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận thì phía Ngân hàng Thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án huyện G kê biên phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo nợ vay theo hợp đồng thế chấp là phần tài sản đứng tên ông Danh T, quyền sử dụng đất số C243226, diện tích 23.220 m², tờ bản đồ 15, số thửa 221, loại đất 1 lúa, tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

6. Nếu ông Danh T thanh toán dứt nợ gốc thì phía Ngân hàng Thương mại cổ phần A chịu trách nhiệm giao trả lại cho ông T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 872530 diện tích 16.390 m², tờ bản đồ 15, số thửa 220a, loại đất 2 lúa, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang do hộ ông (bà) Danh T đứng tên.

Trường hợp ông T trả hết số tiền lãi cho ngân hàng thì ngân hàng trả cho ông T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C243226, diện tích 23.220,00m², tờ bản đồ 15, số thửa 221, loại đất 1 lúa, tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh Kiên Giang do ông Danh T đứng tên.

7. Về án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm: Ngân hàng Thương mại cổ phần A - Phòng giao dịch Minh Lương không phải chịu án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí là 10.400.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002121 ngày 25/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Ông Danh T là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho ông tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 200.000 đồng (Bà Bùi Thị Th nộp thay) theo biên lai thu tiền số 0008437 ngày 07/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho ông T tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (Bà Thái Ánh H nộp thay) theo biên lai thu tiền số 0008329 ngày 06/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện G;
- THA dân sự huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Lâm Sơn

